TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bà Lê Giang Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 16/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/02/2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 23/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh T còn nghiện ma tuý đã bị Toà án nhân dân huyện M đưa đi cai nghiện bắt buộc, đến tháng 6/2023 anh T chấp hành xong quyết định trở về nhưng anh chị cũng không hoà hợp được với nhau và hiện đã sống ly thân nhau. Nay chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là cháu Phạm Huyền T sinh ngày 22/11/2012 và cháu Phạm Hải M sinh ngày 28/6/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng anh chị. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung, chị và anh T có một số tài sản chung sẽ tự thoả thuận chia không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn T, bản tự khai ngày 05/4/2024 anh T trình bày: Anh công nhận anh có đăng ký kết hôn với chị Q tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 23/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xảy ra, đến tháng 6/2023 chị Q thay đổi tính nết trở nên xa cách với anh, hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Khi anh hỏi thì chị Q không nói và nhắn tin không trả lời nên anh không biết chị Q có vấn đề gì. Từ đó đến nay mặc dù anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q xin ly hôn thì anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ. Về con chung, trường hợp chị Q cương quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị được trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Q. Đối với tài sản chung anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Phạm Huyền T và Phạm Hải M, cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được do anh T vắng mặt tại phiên hoà giải lần thứ hai không có lý do. Tại phiên toà hôm nay chị Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, trường hợp chị Q cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Phạm Văn T. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Anh T vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012

tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q cho rằng cuộc sống chung của chị và anh T không hạnh phúc do anh chị có bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do anh T nghiện ma tuý. Chị đã cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T đã từng bị Toà án nhân dân huyện Mường Khương ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng. Bản thân anh T cũng thừa nhận từ tháng 6/2023 đến nay chị Q không còn quan tâm đến anh, anh đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Như vậy có thể nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh T có hai con chung là cháu Phạm Huyền T sinh ngày 22/11/2012 và cháu Phạm Hải M sinh ngày 28/6/2014, hiện nay cháu đang ở cùng anh chị. Toà án đã hỏi ý kiến của các cháu và cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét thấy chị Q hiện là lao động tự do và chị đã cung cấp được chứng cứ chứng minh về công việc, thu nhập của mình đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân anh T cũng là lao động tự do có thu nhập. Như vậy để đảm bảo cho cháu được chăm sóc tốt nhất, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cả hai cháu cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu là 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Phạm Văn T.

2/ Về con chung, xử giao cháu Phạm Huyền T sinh ngày 22/11/2012 và cháu Phạm Hải M sinh ngày 28/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai cháu, mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000832 ngày 06/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chị đã nộp đủ án phí. Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã G;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh